

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP QUỐC GIA

I. Thông tin chung về nhiệm vụ:

1. Tên nhiệm vụ, mã số:

Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật nội soi viên nang trong chẩn đoán một số bệnh lý đường tiêu hóa

Mã số: ĐTĐL.CN-49/19.

Thuộc: Chương trình độc lập cấp Quốc gia.

2. Mục tiêu nhiệm vụ:

- Có được quy trình ứng dụng kỹ thuật nội soi viên nang trong chẩn đoán một số bệnh lý đường tiêu hóa.

- Đánh giá kết quả ứng dụng kỹ thuật nội soi viên nang trong chẩn đoán một số bệnh lý đường tiêu hóa.

3. Chủ nhiệm nhiệm vụ: PGS.TS. Nghiêm Đức Thuận

4. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ: Học viện Quân y, Bộ Quốc phòng

5. Tổng kinh phí thực hiện: **7.995,00** triệu đồng.

Trong đó, kinh phí từ ngân sách SNKH: **7.995,00** triệu đồng.

Kinh phí từ nguồn khác: 0,00 triệu đồng.

6. Thời gian thực hiện theo Hợp đồng:

Bắt đầu: tháng 9/2019

Kết thúc: tháng 8/2022

Thời gian thực hiện được gia hạn 2 lần theo quyết định số 1646/QĐ-BKHCN ngày 26/08/2022 và quyết định số 1956/QĐ-BKHCN ngày 31/08/2023 của Bộ trưởng bộ KHCN: tháng 8/2024.

7. Danh sách thành viên chính thực hiện nhiệm vụ nêu trên gồm:

TT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Cơ quan công tác
1	PGS. TS. Nghiêm Đức Thuận	Chủ nhiệm đề tài	Bệnh viện Quân y 103, Học viện Quân y
2	TS. BS. Phạm Quang Phú	Thư ký đề tài	Bệnh viện Quân y 103, Học viện Quân y
3	ThS.BS. Dương Xuân Nhung	Thành viên thực hiện chính	Bệnh viện Quân y 103, Học viện Quân y
4	TS.BS. Phạm Thế Tài	Thành viên thực hiện chính	Viện NC YDH QS, Học viện Quân y
5	PGS.TS. Trần Ngọc Dũng	Thành viên thực hiện chính	Bệnh viện Quân y 103, Học viện Quân y
6	PGS.TS. Huỳnh Quang Thuận	Thành viên thực hiện chính	Bệnh viện Quân y 103, Học viện Quân y
7	TS.BS. Dương Quang Huy	Thành viên thực hiện chính	Bệnh viện Quân y 103, Học viện Quân y
8	Ths.BS. Trần Hải Yến	Thành viên thực hiện chính	Bệnh viện Quân y 103, Học viện Quân y
9	ThS.BS. Nguyễn Ngọc Hoài Thương	Thành viên thực hiện chính	Bệnh viện Quân y 103, Học viện Quân y
10	Ths. Bs Vũ Ngọc Hoàn	Thành viên thực hiện chính	Bộ môn dịch tễ học Quân sự, Học viện Quân y
11	TS.BS. Nguyễn Việt Phương	Thành viên thực hiện chính	Bệnh viện Quân y 103, Học viện Quân y
12	ThS BS. Nguyễn Ngọc Khánh	hiện chính	Bệnh viện Quân y 103, Học viện Quân y

II. Nội dung tự đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ:

1. Về sản phẩm khoa học:

1.1. Danh mục sản phẩm đã hoàn thành:

1.1.1. Sản phẩm Dạng I: Không đăng ký

1.1.2. Sản phẩm Dạng II:

Số TT	Tên sản phẩm	Số lượng			Khối lượng			Chất lượng		
		Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt
1	Báo cáo kết quả ứng dụng kỹ thuật xét nghiệm máu ẩn trong phân ở đối tượng có nguy cơ bị bệnh lý đường tiêu hóa.		X			X			X	
2	Báo cáo kết quả ứng dụng kỹ thuật tiên tiến trong chẩn đoán và can thiệp một số bệnh lý đường tiêu hóa ở đối tượng có máu ẩn trong phân.		X			X			X	
3	Quy trình ứng dụng kỹ thuật nội soi viên nang trong chẩn đoán một số bệnh lý đường ống tiêu hóa.		X			X			X	
4	Báo cáo đánh giá kết quả ứng dụng kỹ thuật nội soi viên nang trong chẩn đoán bệnh lý đường tiêu hóa.		X			X			X	

1.1.3. Sản phẩm Dạng III:

Số TT	Tên sản phẩm	Số lượng			Khối lượng			Chất lượng		
		Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt
1	Bài báo trong nước: 3/3 bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành có phản biện trong nước		X			X			X	
2	Báo cáo khoa học: 4/2 báo cáo khoa học tại hội thảo trong nước về chuyên ngành nội tiêu hóa		X			X			X	

1.1.4. Sản phẩm đào tạo:

Số TT	Tên sản phẩm	Số lượng			Khối lượng			Chất lượng		
		Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt
1	Thạc sỹ (01 ThS)		X			X			X	
2	Tiến sỹ (01 TS)		X			X			X	

1.2. Danh mục sản phẩm khoa học dự kiến ứng dụng, chuyển giao:

Số TT	Tên sản phẩm	Thời gian dự kiến ứng dụng	Cơ quan dự kiến ứng dụng	Ghi chú
1	Triển khai ứng dụng kỹ thuật xét nghiệm tìm máu ẩn trong phân	Tháng 01/2025	Các bệnh viện tuyến tỉnh, huyện trong chương trình hợp tác đề tài	
2	Ứng dụng kỹ thuật tiên tiến trong chẩn đoán và can thiệp một số bệnh lý đường tiêu hóa ở đối tượng có máu ẩn trong phân.	Tháng 01/2025	Các bệnh viện tuyến tỉnh, huyện trong chương trình hợp tác đề tài	
3	Quy trình ứng dụng kỹ thuật nội soi viên nang trong chẩn đoán một số bệnh lý đường ống tiêu hóa.	Tháng 01/2025	Bệnh viện Quân y 103 và các bệnh viện trong chương trình hợp tác đề tài	

1.3. Danh mục sản phẩm khoa học đã được ứng dụng:

Số TT	Tên sản phẩm	Thời gian ứng dụng	Tên cơ quan ứng dụng	Ghi chú
1				

2. Về những đóng góp mới của nhiệm vụ:

- Đề tài đã tiến hành khám sàng lọc đối tượng tại cộng đồng được 10.078 trường hợp, thực hiện lấy mẫu xét nghiệm và tiến hành xét nghiệm máu ẩn trong phân đối với 10.078 trường hợp để Phân tích đánh giá và viết báo cáo kết quả áp dụng kỹ thuật trên nhóm đối tượng nghiên cứu. Kết quả phân tích bước đầu cho thấy: Tỷ lệ có máu ẩn trong phân dương tính tại cộng đồng 6 tỉnh là 8,2%. Dao động từ 6,0% đến 11,75% tùy từng địa phương. Các yếu tố liên quan đến kết quả xét nghiệm máu ẩn trong phân ghi nhận là nam giới, có u nhú-nụ thịt trên da, giảm cân chưa rõ nguyên nhân, có tiền sử polip tiêu hoá, hội chứng ruột kích

thích, đồng thời nguy cơ có máu ẩn trong phân tăng dần theo độ tuổi (OR phân tích đa biến đều > 1 và $p < 0,05$).

Đề tài đã phát hiện 826 đối tượng có xét nghiệm máu ẩn trong phân dương tính để thực hiện Khám và nội soi đường tiêu hóa (dạ dày, đại tràng). Trong tổng số 826 trường hợp có kết quả xét nghiệm máu ẩn trong phân dương tính có 739 trường hợp đến thực hiện kỹ thuật nội soi dạ dày- Đại tràng. Sau đó, tiến hành sinh thiết làm mô bệnh học đối với 470 tổn thương phát hiện qua nội soi và can thiệp cắt đốt polyp của 621 lượt (có những trường hợp có 2 mẫu bệnh phẩm trở lên) và xây dựng được báo cáo kết quả thực hiện các kỹ thuật chẩn đoán và can thiệp một số bệnh lý đường tiêu hóa có máu ẩn trong phân dương tính. Kết quả cho thấy: Trong số các tổn thương dạ dày có xét nghiệm mô bệnh học, viêm dạ dày mạn tính là thường gặp nhất (54,8%), sau đó là loét dạ dày mạn tính (38,1%), không phát hiện trường hợp ung thư dạ dày. Ở đại trực tràng, polyp u tuyến thường gặp nhất (78% số sinh thiết). Ung thư biểu mô đại trực tràng gặp 9 trường hợp (2,9% số BN soi). Tỷ lệ polyp loạn sản độ cao nhiều hơn ở nhóm polyp kích thước lớn, có cuống và ở đại tràng trái & trực tràng. 86,1% các trường hợp nội soi không có tai biến, biến chứng. Các tai biến, biến chứng thường gặp nhất là chướng bụng sau khi soi (9,7%), đau bụng (7,4%) và chảy máu nhỏ sau can thiệp (6,9%). Không có trường hợp nào biến chứng nặng.

- Đề tài đã lựa chọn sử dụng viên nang nội soi thế hệ mới MC 2000 của hãng INTROMEDIC, Hàn Quốc để thực hiện ứng dụng kỹ thuật nội soi viên nang trên 100 bệnh nhân đã qua khám tuyển chọn có chỉ định nội soi viên nang để xây dựng quy trình, chỉ định, chống chỉ định nội soi viên nang phù hợp với thực tế ở Việt Nam. Kết quả nghiên cứu, đề tài đã xây dựng thành công quy trình kỹ thuật nội soi viên nang, chỉ định và chống chỉ định nội soi viên nang. Quy trình ứng dụng kỹ thuật nội soi viên nang trong chẩn đoán một số bệnh lý đường tiêu hóa đã được hoàn thiện và được hội đồng khoa học chuyên ngành thông qua.

- Qua thu thập kết quả nội soi viên nang trên các đối tượng nghiên cứu. Đánh giá kết quả nội soi viên nang với các triệu chứng lâm sàng và các xét nghiệm cận lâm sàng khác. Kết quả cho thấy sử dụng viên nang nội soi thế hệ mới ghi nhận hình ảnh tổn thương tốt hơn, tránh bỏ sót tổn thương hơn. Trên nhóm bệnh lý chảy máu tiêu hóa không rõ nguyên nhân, tổn thương ruột non 63,6%, không có tổn thương 30,3%, 6,1% không xác định (có máu ở trong ruột non nhưng không phát hiện tổn thương ruột non). Vị trí tổn thương: hồi và hồi tràng 42,9%, hồi tràng 28,6% và hồi tràng 26,1%. Hình thái tổn thương: tổn thương niêm mạc 69,0% trong đó 40,5% có tổn thương viêm; tổn thương mạch máu 50,0% trong đó 31,0% tổn thương đám đỏ; 11,9% tổn thương dạng u và 2,4% tổn thương dạng túi thừa. Nội soi viên nang có độ nhạy cao hơn nhưng độ

đặc hiệu thấp hơn so với nội soi cộng hưởng từ, chụp cắt lớp vi tính và nội soi ruột đẩy.

- Ban chủ nhiệm đề tài đã phối hợp với Học viện Quân y tổ chức thành công hội thảo khoa học chuyên ngành nội tiêu hóa với trên 100 nhà khoa học thuộc chuyên ngành tham gia để công bố các kết quả và sản phẩm nghiên cứu của đề tài.

3. Về hiệu quả của nhiệm vụ:

3.1. Hiệu quả kinh tế

Nhu cầu chẩn đoán và điều trị các bệnh lý đường tiêu hóa nói chung ở Bệnh viện 103 cũng như trong cả nước rất lớn. Khi các kỹ thuật được nghiên cứu và triển khai, đánh giá hiệu quả một cách hệ thống, chính xác có thể cung cấp dịch vụ chất lượng tới nhiều bệnh nhân đến thăm khám và điều trị. Từ đó giúp cho các hoạt động lâm sàng đảm bảo chất lượng, hiệu quả, an toàn và tiết kiệm.

Các nhà lâm sàng khi tham gia nghiên cứu có được cơ hội tiếp cận, tìm hiểu chuyên sâu và nâng cao trình độ kỹ thuật của bản thân cũng như của bệnh viện, góp phần đưa kỹ thuật mới vào chẩn đoán và điều trị bệnh lý đường tiêu hóa, mang lại lợi ích và chất lượng cuộc sống cho người bệnh.

3.2. Hiệu quả xã hội

Đề tài đã triển khai khám sàng lọc và lấy mẫu, thực hiện xét nghiệm tìm máu ẩn trong phân đối với 10.078 trường hợp có nguy cơ bị bệnh lý đường tiêu hóa tại cộng đồng. Từ đó có những chẩn đoán và can thiệp sớm các bệnh lý đường tiêu hóa, góp phần vào nâng cao bảo vệ sức khỏe cho cộng đồng tại các khu vực nghiên cứu.-

Các kỹ thuật và phương pháp nghiên cứu được thực hiện trong đề tài là các kỹ thuật tiên tiến, hiện đại mới được sử dụng tại các nước phát triển trên thế giới và mới được áp dụng nghiên cứu tại Việt Nam. Kết quả nghiên cứu của đề tài được ứng dụng ngay vào điều trị, đã giúp nâng cao trình độ kỹ thuật của bệnh viện 103, góp phần đưa kỹ thuật mới vào chẩn đoán và điều trị bệnh lý đường tiêu hóa. Các tổn thương tìm thấy trong quá trình nội soi sẽ được đánh giá, can thiệp hoàn thiện và theo dõi nhằm tăng hiệu quả chẩn đoán và điều trị bệnh lý ống tiêu hoá, giúp nâng cao chất lượng cuộc sống cho người bệnh.

Tổ chức chủ trì và các cơ sở ứng dụng kết quả nghiên cứu có cơ hội phát triển năng lực và triển khai được kỹ thuật mới, hiện đại trong lĩnh vực tiêu hoá. Các tổn thương tìm thấy trong quá trình nội soi sẽ được đánh giá và can thiệp hoàn thiện và theo dõi nhằm tăng hiệu quả chẩn đoán và điều trị bệnh lý ống tiêu hoá. Kết quả của đề tài là tài liệu trong nghiên cứu, đào tạo về lĩnh vực chuyên ngành tiêu hoá.

III. Tự đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ

1. Về tiến độ thực hiện: (đánh dấu ✓ vào ô tương ứng):

- Nộp hồ sơ đúng hạn
- Nộp chậm từ trên 30 ngày đến 06 tháng
- Nộp hồ sơ chậm trên 06 tháng

☒
☐
☐

2. Về kết quả thực hiện nhiệm vụ:

- Xuất sắc
- Đạt
- Không đạt

☐
☒
☐

Giải thích lý do:

- Đề tài thực hiện đúng tiến độ đề ra
- Các sản phẩm của đề tài đảm bảo đầy đủ về số lượng, khối lượng, chất lượng (các chỉ tiêu KT-KT) đạt được so với đăng ký trong hợp đồng. Đề tài có sản phẩm Dạng III (báo cáo khoa học) vượt số lượng (4/2 báo cáo tại hội thảo trong nước về chuyên ngành nội tiêu hóa) và vượt chỉ tiêu đào tạo 01 NCS so với đăng ký.
- Đề tài đã xây dựng được quy trình ứng dụng kỹ thuật nội soi viên nang trong chẩn đoán một số bệnh lý đường tiêu hóa. Quy trình đã được hoàn thiện và được hội đồng khoa học chuyên ngành thông qua.
- Đề tài đã nghiên cứu, đánh giá kết quả ứng dụng kỹ thuật nội soi viên nang trong chẩn đoán một số bệnh lý đường tiêu hóa. Kết quả....

CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI



PGS.TS. Nghiêm Đức Thuận

THỦ TRƯỞNG
TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ



Trưng tướng
PGS.TS. Nguyễn Xuân Kiên

